

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1957 “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày: Bà và ông Phạm Văn T xây dựng hôn nhân vào năm 1978, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp G, xã A, huyện X Thời gian vợ chồng sống chung gần 43 năm thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng, do chồng bà không còn quan tâm lo lắng gì đến vợ con, đánh đập bà thường xuyên, bà không còn khả năng chịu đựng. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay không hàn gắn được. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể sống chung được với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1979, Nguyễn Văn U, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1984. Hiện 03 con đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp.

Sau khi thụ lý đơn của bà Phạm Thị B, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn ông Nguyễn Văn T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện J, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R. Do đó, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị B và Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1978, căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ- QH10 ngày 06 tháng 10 năm 2000 của Quốc hội về thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thì trường hợp hôn nhân của bà B và ông T được công nhận là hợp pháp.

Bà B cho rằng quá trình chung sống gần 43 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do chồng bà không còn quan tâm lo lắng gì đến vợ con, đánh đập bà thường xuyên, bà không còn khả năng chịu đựng. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay không hàn gắn được. Ông T không có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà B. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B là phù hợp theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp trong vụ án, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng bà B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà B theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B.

1. Về hôn nhân:

Xử cho bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà Phạm Thị B do thuộc diện người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Nêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong